TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 54/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 18-7-2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Văn Năm**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà **Võ Ngọc Ba**

2/ Ông **Trần Văn Ẩn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 18 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 151/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2018 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Trần Thanh X**, sinh năm 1989. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: khu X, thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Huyền Tr**, sinh năm 1993. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã Tr, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 12/4/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Thanh X trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Tr kết hôn vào ngày 24/3/2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian chung sống được khoảng 04 tháng, trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên cải vả, bất đồng quan điểm sống nên anh bỏ đi và vợ chồng đã ly thân từ tháng 7/2016 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Tr.

- Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Có 10 chỉ vàng 24k hiện chị Tr đang quản lý, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 14/5/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị Huyền Tr trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh X kết hôn vào ngày 24/3/2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian chung sống được khoảng 04 tháng, trong thời gian chung sống vợ chồng thường bất đồng ý kiến nên anh X bỏ đi từ tháng 7/2016 đến nay không ai tới lui thăm nom giúp đỡ gì. Nay chị xác định vẫn còn tình cảm với anh X, xin được đoàn tụ.

- Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Có 10 chỉ vàng 24k do mẹ chồng đang quản lý, yêu cầu mẹ chồng trả lại để vợ chồng chia đôi, chị xin hưởng 05 chỉ vàng 24k.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị Tr. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn xin ly hôn của anh Trần Thanh X yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn với chị Nguyễn Thị Huyền Tr cư trú tại ấp T, xã Tr, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

[1.2] Bị đơn chị Nguyễn Thị Huyền Tr được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ 2 không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Anh Trần Thanh X và chị Nguyễn Thị Huyền Tr thành hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Tr, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 03 vào ngày 24/3/2016 nên xem quan hệ hôn nhân giữa anh X và chị Tr là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị chỉ sống chung được khoảng 04 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cải vả, bất đồng quan điểm và hai người tự cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 7 năm 2016 đến nay không ai tới lui thăm nom giúp đỡ gì và sau khi Tòa án thụ lý đã tiến hành hòa giải nhằm

giúp đỡ đoàn tụ nhưng anh X xác định tình cảm vợ chồng không còn, cương quyết xin ly hôn, chị Tr xin đoàn tụ nhưng khi Toà án triệu tập lần thứ hai để hòa giải giúp đỡ đoàn tụ thì chị Tr vắng mặt không lý do. Như vậy cho thấy tình cảm giữa anh X và chị Tr không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của anh X là có cơ sở phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh X và chị Tr xác định không có và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Tài sản chung, nợ chung:

Anh X và chị Tr thống nhất tài sản chung có 10 chỉ vàng 24k. Anh X xác định tài sản hiện chị Tr đang quản lý, anh không yêu cầu chia tài sản chung. Chị Tr cho rằng tài sản chung do mẹ chồng đang quản lý, yêu cầu mẹ chồng trả lại để vợ chồng chia đôi, chị xin hưởng 05 chỉ vàng 24k.

Anh X không yêu cầu chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 14/5/2018, chị Tr yêu cầu chia tài sản chung nhưng chị Tr không làm đơn phản tố, không nộp tiền tạm ứng án phí do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này mà dành riêng cho chị Tr một vụ kiện dân sự chia tài sản sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Thanh X phải nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại Điều 6, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Trần Thanh X. Xử cho anh X ly hôn với chị Nguyễn Thị Huyền Tr.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Trần Thanh X nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)*. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* anh X đã nộp theo biên lai thu số 0014536 ngày 12/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tr. Anh X đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- THADS huyện Trà Ôn;
- UBND thị trấn Trà Ôn, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long (Giấy chứng nhận kết hôn số 03 ngày 24/3/2016);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lâm Văn Năm